

Bản án số:02/2019/HS-PT
Ngày 22-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hoài

Các Thẩm phán: + Ông Nguyễn Xuân Hòa
+ Ông Vàng Xuân Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:
Ông Đào Ngọc Dũng - Kiểm sát viên

Trong các ngày 21 - 22 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2018/TLPT-HS ngày 28 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Hà Văn T1 và đồng phạm bị xét xử về tội “Chống người thi hành công vụ”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 47/2018/HSST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Hà Văn T1; tên gọi khác không; sinh năm 1954 tại tỉnh Hà Nam; nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 5, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ học vấn 7/10; dân tộc Kinh; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo không; con ông Hà Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); vợ Lương Thị Đ, sinh năm 1957 và có 02 con, con lớn sinh năm 1977, con nhỏ sinh năm 1979; tiền án, tiền sự không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/4/2017 đến ngày 24/4/2017 chuyển tạm giam; ngày 15/01/2018 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Hà Văn T2; tên gọi khác không; sinh năm 1977 tại tỉnh Lai Châu; nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 5, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ học vấn 4/12; dân tộc Kinh; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo không; con ông Hà Văn T, sinh năm 1954 và bà Lương Thị Đ, sinh năm 1957; vợ 1 Phạm Thị T, sinh năm 1982 (đã ly hôn); vợ 2 Vàng Thị L, sinh năm 1988 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự không; nhân thân ngày 10/3/2005 bị cáo bị Tòa

án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện đã được xóa án tích; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2017 đến ngày 15/01/2018 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Hà Thị O; tên gọi khác không; sinh năm 1970 tại tỉnh Lai Châu; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản T, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ học vấn 3/12; dân tộc Kinh; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo không; con ông Hà Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); chồng Nông Văn S (đã chết và có 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2017 đến ngày 15/01/2018 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lương Thị Đ1; tên gọi khác không; sinh năm 1957 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký HKTT: Tổ 5, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu; chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 23, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp hưu trí; trình độ học vấn 4/10; dân tộc Kinh; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo không; con ông Lương Văn B, sinh năm 1927 và con bà Đồng Thị H, sinh năm 1927; chồng Hà Văn T, sinh năm 1954 và có 02 con, con lớn sinh năm 1977, con nhỏ sinh năm 1979; tiền án, tiền sự không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2017 đến ngày 15/01/2018 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Nông Văn T3; tên gọi khác không; sinh năm 1990 tại tỉnh Lai Châu; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản T, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ học vấn 9/12; dân tộc Giáy; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo không; con ông Nông Văn S (đã chết) và bà Hà Thị O, sinh năm 1970; Vợ Đào Thị Q, sinh năm 1993 và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2017 đến ngày 15/01/2018 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Vũ Xuân Đ2; tên gọi khác không; sinh năm 1967 tại tỉnh Lai Châu; nơi đăng ký HKTT: Tổ 8, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu; chỗ ở trước khi bị bắt: Bản T, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ học vấn 7/10; dân tộc Kinh; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo không; con ông Vũ Xuân Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1938; vợ Trần Thị L, sinh năm 1965 (đã ly hôn năm 1993) và có 01 con sinh năm 1993; tiền án 01 tiền án ngày 22/8/2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Lai Châu xử phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30, Điều 53 Bộ luật hình sự, tính đến lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích; tiền sự không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2017 đến ngày 15/5/2017 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Hà Thị Thu H; tên gọi khác không; sinh ngày 12 tháng 12 năm 2000 tại tỉnh Lai Châu; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 23, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp học sinh; trình độ học vấn 12/12; dân tộc Kinh; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo không; con ông Hà Văn T, sinh năm 1977 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1982; chồng, con chưa có; tiền án, tiền sự không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2017 cho đến nay. Ngày 21/01/2019 bị cáo có đơn xin rút đơn kháng cáo.

** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Hà Thị Thu H:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1982, trú tại tổ 23, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa).

** Luật sư bào chữa cho các bị cáo:* Ông Nguyễn Văn H - sinh năm 1980. Luật sư - Công ty luật TNHH MTV T thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc. Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Nông Thị P, Nguyễn Văn K có kháng cáo nhưng đã rút đơn kháng cáo.

** Nguyên đơn dân sự:*

- Ủy ban nhân dân thành phố L: Người đại diện hợp pháp là ông Phạm Minh T, sinh năm 1978. Trú tại tổ 18, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Công ty TNHH MTV M: Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn T. Trú tại tổ 09, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa).

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983. Trú tại tổ 10, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh Trần Nhật H, sinh năm 1995. Trú tại phòng P, Công an tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1996. Trú tại phòng P, Công an tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh Giàng Văn Đ, sinh năm 1995. Trú tại phòng P, Công an tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh Trần Văn D, sinh năm 1993. Trú tại tổ 01, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa).

** Những người làm chứng:*

1. Ông Vui Văn Q, sinh năm 1988. Trú tại bản T, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ông Thào A K, sinh năm 1984. Trú tại bản T, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa).

* Đại diện trường THPT thành phố L, tỉnh Lai Châu: Ông Nguyễn Hữu K
- Bí thư đoàn trường THPT thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa).

* Những người được Tòa án triệu tập:

1. Ông Lương Tiến H, sinh năm 1987, Điều tra viên – Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ông Cao Bá Q, sinh năm 1980, Điều tra viên – Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Ông Kiều Việt D, sinh năm 1988, Cán bộ đội hình sự - Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quyết định số 1391/QĐ - UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai đối với diện tích đất 1.150,5 m² thuộc bản T, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu giữa gia đình Nguyễn Xuân T với gia đình Hà Văn C.

Hà Văn T1, Hà Văn C, Hà Thị O và Hà Văn V (đều là anh, em ruột trong một gia đình), không chấp hành quyết định nêu trên nên ngày 23/3/2017, Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu đã ban hành Quyết định số 235/QĐ – UBND về việc “Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định có hiệu lực pháp luật” đối với gia đình Hà Văn T1. Sau khi ban hành quyết định cưỡng chế, Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu đã thành lập Hội đồng cưỡng chế, vào ngày 27/3/2017 đã tiến hành giao nhận Quyết định cưỡng chế cho gia đình Hà Văn T1 đồng thời nhiều lần vận động, thuyết phục gia đình Hà Văn T1 tự nguyện tháo dỡ hai ngôi nhà cấp 4 do Hà Văn T1, Hà Thị O xây dựng trái phép trên mảnh đất trên để bàn giao lại đất cho Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu nhưng gia đình Hà Văn T1, Hà Thị O vẫn không chấp hành.

Buổi tối ngày 17/4/2017 (trước ngày cưỡng chế), Hà Văn T1 nói với mọi người trong gia đình, bao gồm: Hà Thị O, Hà Văn L (em T1); Vũ Xuân Đ2 (bạn O) và Nguyễn Văn K (bạn Hà Văn L – em trai T1) là “Ngày mai ban cưỡng chế đến làm việc anh em mình tập trung giữ nhà”. Sau đó, Đ2 đi mua một can xăng 20 lít và 06 bình ga mini nhãn hiệu Maxvina 520ml, K cho xăng vào các chai nhựa nhỏ để trong nhà, mục đích là để ngăn cản, không cho Hội đồng cưỡng chế làm việc.

Khoảng 08 giờ ngày 18/4/2017, khi Hội đồng cưỡng chế đến khu đất thuộc Bản T, phường Đ, thành phố L để thực hiện nhiệm vụ thì: Lương Thị Đ1 đã dùng micro (loại micro không dây dài 24 cm) và Hà Thị O dùng lời nói hô hào, chửi bới Hội đồng cưỡng chế. Hà Văn T1 đeo bên hông 01 con dao cán gỗ dài 50,5cm, Hà Văn T2 đeo bên hông 01 con dao cán gỗ mũi nhọn dài 58cm; Vũ Xuân Đ2 đeo bên hông 01 con dao mũi nhọn cán nhựa dài 38cm; Nguyễn Văn K đeo sau lưng 01 thanh kiếm mũi nhọn, cán được làm bằng gỗ có chiều dài 30cm;

Nông Văn T3 để 01 bình ga Petrolimex màu xanh loại 12 kg ở trước cổng nhà T1 mục đích để đe dọa Hội đồng cưỡng chế.

Khi Hội đồng cưỡng chế tiến hành tháo dỡ ngôi nhà lá cọ của Hà Thị O thì Hà Văn T1 cầm 01 chai xăng hắt lên mái nhà và nói: “Đốt mẹ nó đi”, nghe thấy T1 nói vậy Hà Văn T2 cầm bật lửa ga màu xanh có chữ TANAKA đốt vách lá cọ của ngôi nhà thì Nông Văn T3 đập tắt. Lương Thị Đ1 ngồi lên tấm phản hô hào không cho tổ giúp việc chuyển đồ. Sau đó Hà Văn T2 vào nhà Hà Thị O cầm 01 con dao cán gỗ dài 38,5cm đi ra cổng đứng mục đích đe dọa không cho Hội đồng cưỡng chế vào làm việc.

Khoảng 9 giờ cùng ngày, xe máy xúc nhãn hiệu VOLVO - EW55B do anh Cao Mạnh T, sinh năm 1990, trú tại tổ 13, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu điều khiển (do Hội đồng cưỡng chế thuê Công ty TNHH M) tiến vào ngôi nhà của T1 để thực hiện nhiệm vụ thì T1 cầm 01 con dao (mang từ trước) và 01 kiếm mũi nhọn dài 76cm trèo lên mái nhà, sau đó dùng lời nói đe dọa, chửi bới cản trở không cho anh Cao Mạnh T lái máy xúc vào làm nhiệm vụ. T1 bảo Hà Thị Thu H trèo lên mái nhà cùng T1 dùng Ipad quay lại buổi cưỡng chế. Lương Thị Đ1 cầm đá đe dọa, dùng micro hô hào; Vũ Xuân Đ2 lấy 01 chai nhựa màu xanh bên trong có xăng đưa lên mái nhà cho T1 và nhặt đá cho vào bao tải đưa cho T3; T3 đưa bao tải đá, 01 con dao phát cán gỗ dài 120cm và ném đá lên mái nhà cho Hà Văn T1 để T1 cản trở Hội đồng cưỡng chế làm việc.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, anh Cao Mạnh T lái máy xúc của Hội đồng cưỡng chế tiến vào ngôi nhà, T1 cầm đá ném vào chiếc máy xúc làm 02 tấm kính phía trước cabin khoang lái, 02 tấm kính phía vách phải cabin khoang lái, 01 tấm kính phía sau cabin khoang lái bị vỡ; 01 đồng hồ hiển thị các thông số của xe máy xúc bên trong cabin khoang lái bị gãy hỏng. Hà Thị O, Nông Thị P cầm đá ném lên mái nhà cho T1 để T1 ném, cản trở Hội đồng cưỡng chế làm việc. Khi lực lượng Cảnh sát cơ động, Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn Công an tỉnh Lai Châu phối hợp cùng Công an thành phố L, tỉnh Lai Châu tiến vào thực hiện nhiệm vụ thì Hà Văn T1 cùng Hà Thị Thu H dùng đá ném, T1 dùng 01 kiếm (do T1 chuẩn bị từ trước), H dùng xẻng và dao phát (do T3 đưa lên) chém vào lực lượng cơ động. Sau đó, T1 dùng chai xăng (do Đ2 đưa lên) đổ vào lực lượng cảnh sát cơ động, dùng bật lửa ga châm đốt làm anh Nguyễn Văn T bị bỏng; anh Trần Nhật H, anh Nguyễn Ngọc H, anh Giàng Văn Đ đều trú tại phòng P Công an tỉnh Lai Châu; anh Trần Văn D (công an thành phố L) bị thương nhẹ. Cùng lúc đó K dùng lửa đốt lốp xe ô tô (bên trong có sẵn các chai xăng, được chuẩn bị từ trước), Đ2 cầm đá ném vào lực lượng phòng cháy chữa cháy. Khi lực lượng Cảnh sát cơ động tiến vào, T1 tiếp tục dùng đá ném; H dùng đá ném, dùng kiếm chém vào lực lượng cơ động... Hậu quả làm buổi cưỡng chế bị gián đoạn, đến 10 giờ 30 phút mới tiếp tục tiến hành được, gây thiệt hại về tài sản là 15.240.000 đồng. Sau đó, Hà Văn T1, Hà Thị Thu H bị Công an thành phố L không chế, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tại hiện trường vật chứng gồm: Kiếm, dao, xẻng, vỏ chai, can, bật lửa, bình ga, lốp ô tô, micro, can nhựa và 59 hòn đá. Thu giữ của anh Nguyễn Văn T 01 lá chắn va đập ký hiệu LC1m-H57 do Bộ Công an cấp, một đầu lá chắn bị cháy; 01

áo giáp chống đâm nhẵn hiệu AGCD-1/H57 do Bộ Công an cấp, trên áo có nhiều vết cháy; thu giữ của anh Trần Nhật H 01 áo lưới ký hiệu MCCHT-07 do Bộ Công an cấp, phân lưng áo có chữ CSCĐ, trên áo có nhiều vết cháy.

Tại bản án số 47/2018/HSST ngày 22-8-2018 Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu đã tuyên các bị cáo Hà Văn T1, Hà Văn T2, Hà Thị O, Lương Thị Đ1, Vũ Xuân Đ2, Nông Văn T3, Hà Thị Thu H phạm tội "Chống người thi hành công vụ".

Căn cứ khoản 1 Điều 257; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Hà Văn T1.

Căn cứ khoản 1 Điều 257; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Hà Văn T2.

Căn cứ khoản 1 Điều 257, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Vũ Xuân Đ2.

Căn cứ khoản 1 Điều 257, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lương Thị Đ1.

Căn cứ khoản 1 Điều 257; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Hà Thị O, Nông Văn T3.

Căn cứ khoản 1 Điều 257, Điều 31, Điều 68, Điều 69, Điều 73, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Hà Thị Thu H.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T1 12 tháng tù, bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 08 tháng 21 ngày, bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 03 tháng 09 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T2 08 tháng 21 ngày tù, tính từ ngày bị bắt 18/4/2017 đến ngày 15/01/2018 được thay đổi sang biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là 08 tháng 21 ngày, hiện bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Hà Thị O 08 tháng 21 ngày tù, tính từ ngày bị bắt 18/4/2017 đến ngày đến ngày 15/01/2018 được thay đổi sang biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là 08 tháng 21 ngày, hiện bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Lương Thị Đ1 08 tháng 19 ngày tù, tính từ ngày 20/4/2017 đến ngày 15/01/2018 được thay đổi sang biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là 08 tháng 19 ngày, hiện bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân Đ2 06 tháng tù, bị cáo được trừ 25 ngày tạm giữ, tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 05 tháng 05 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T3 08 tháng 18 ngày tù, tính từ ngày bị bắt 21/4/2017 đến ngày 15/01/2018 được thay đổi sang biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là 08 tháng 18 ngày, hiện bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù.

- Xử phạt bị cáo Hà Thị Thu H 06 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Đến ngày 30/8/2018 các bị cáo Hà Văn T1, Hà Thị Thu H, Hà Văn T2, Hà Thị O, Lương Thị Đ1, Vũ Xuân Đ2, Nông Văn T3 kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung Tòa cấp sơ thẩm xét xử sai, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung của vụ án đề nghị xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm và tuyên các bị cáo vô tội. Ngày 17/10/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu nhận được đơn kháng cáo bổ sung của các bị cáo Hà Văn T1, Vũ Xuân Đ2 đều không đề ngày tháng năm với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm và tuyên các bị cáo T1, Đ2 vô tội.

8h sáng ngày 21/01/2019 bị cáo Hà Thị Thu H có đơn xin rút đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Hà Văn T1, Hà Văn T2, Hà Thị O, Lương Thị Đ1, Vũ Xuân Đ2, Nông Văn T3 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bị cáo đều cho rằng các bị cáo không phạm tội như quy kết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu. Mục đích các bị cáo không cho Hội đồng cưỡng chế và lực lượng bảo vệ thi hành nhiệm vụ cưỡng chế là để bảo vệ tài sản của mình.

Các bị cáo cho rằng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L, tỉnh Lai Châu có hành vi lập khống biên bản, làm giả hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm cố tình không triệu tập người liên quan đến tham dự phiên tòa (ông Phạm Minh T - Phó Chủ tịch UBND thành phố L, bà Nguyễn Thị Thu H - Chủ tịch UBND phường Đ). Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu sử dụng vật chứng mà Cơ quan điều tra thu thập trái quy định pháp luật. Bị cáo T3 khai trong quá trình điều tra bị bức cung.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và có kiến nghị khởi tố đối với những người đã xâm phạm chỗ ở, tài sản của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ và lời khai của những người tham gia tố tụng xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Hà Văn T1, Hà Văn T2, Hà Thị O, Lương Thị Đ1, Vũ Xuân Đ2, Nông Văn T3 về tội "Chống người thi hành công vụ" và quyết định hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Hà Thị Thu H vì bị cáo đã có đơn xin rút đơn kháng cáo.

Hội đồng xét xử đã công bố một số bút lục là các văn bản tố tụng và lời khai của một số người vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các bị cáo, quan điểm của người bào chữa và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận xét như sau:

[1]. Sáng ngày 21/01/2019, bị cáo Hà Thị Thu H đã có đơn xin rút đơn kháng cáo. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Hà Thị Thu H.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo Hà Văn T1, Hà Văn T2, Hà Thị O, Lương Thị Đ1, Vũ Xuân Đ1, Nông Văn T3 đều không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo cho rằng Tòa cấp sơ thẩm xét xử sai, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung của vụ án. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L, tỉnh Lai Châu có hành vi lập không biên bản, làm giả hồ sơ vụ án. Tòa cấp sơ thẩm cố tình không triệu tập người liên quan đến tham dự phiên tòa (ông Phạm Minh T - Phó Chủ tịch UBND thành phố L, bà Nguyễn Thị Thu H - Chủ tịch UBND phường Đ) và sử dụng vật chứng mà Cơ quan điều tra thu thập trái quy định pháp luật.

Để xác định các bị cáo có thực hiện hành vi phạm tội hay không, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ phân tích các chứng cứ khách quan phản ánh nội dung, tình tiết của vụ án, so sánh lời khai của các bị cáo tại phiên tòa với các tài liệu, chứng cứ khác để từ đó xác định sự thật khách quan của vụ án. Cụ thể:

[1.1]. Chứng cứ vật chất:

Ngày 14/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quyết định số 1391/QĐ - UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai đối với diện tích đất 1.150,5 m² thuộc bản T, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu giữa gia đình Nguyễn Xuân T với gia đình Hà Văn C.

Hà Văn T1, Hà Văn C, Hà Thị O và Hà Văn V (đều là anh, em ruột trong một gia đình), không chấp hành quyết định nêu trên nên ngày 23/3/2017, Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu đã ban hành Quyết định số 235/QĐ – UBND về việc “Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định có hiệu lực pháp luật” đối với gia đình Hà Văn T1.

Sau khi ban hành quyết định cưỡng chế, Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu đã thành lập Hội đồng cưỡng chế, vào ngày 27/3/2017 đã tiến hành giao nhận Quyết định cưỡng chế cho gia đình Hà Văn T1 đồng thời nhiều lần vận động, thuyết phục gia đình Hà Văn T1 tự nguyện tháo dỡ hai ngôi nhà cấp 4 do Hà Văn T1, Hà Thị O xây dựng trái phép trên mảnh đất trên để bàn giao lại đất cho Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu nhưng gia đình Hà Văn T1, Hà Thị O vẫn không chấp hành.

Tài liệu hình ảnh trong hồ sơ thể hiện trong khoảng thời gian từ 08 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút, ngày 18/4/2017 các bị cáo Hà Văn T1, Hà Văn T2, Hà Thị O, Lương Thị Đ1, Nông Văn T3, Vũ Xuân Đ2 có hành vi chửi bới, lăng mạ, chống đối, cản trở không cho Hội đồng cưỡng chế và lực lượng bảo vệ thi hành nhiệm vụ cưỡng chế tại khu đất gia đình Hà Văn T1 đang sử dụng tại bản T, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Cụ thể như sau: Khi Hội đồng cưỡng chế

công bố Quyết định số 235/QĐ – UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu về việc “Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định có hiệu lực pháp luật” đối với gia đình Hà Văn T1, giải thích và yêu cầu tất cả những người không có nhiệm vụ phải đi ra khỏi khu vực cưỡng chế thi T1, T2, O, Đ1, T3, Đ2 và một số người khác vẫn không chấp hành mà còn có hành vi cản trở Hội đồng cưỡng chế thi hành nhiệm vụ. Bị cáo T1 đã có hành vi chửi bới, đe dọa, ném đá vào máy xúc, đổ xăng, châm lửa và ném đá vào lực lượng cơ động. Hậu quả làm 01 đồng chí công an bị bỏng; 04 đồng chí bị thương ở chân, tay; cháy 01 áo giáp lưới. Bị cáo T2 có hành vi cầm dao và đe dọa, châm lửa đốt mái nhà khi lực lượng cưỡng chế tháo dỡ. Bị cáo O có hành vi chửi bới, đứng trước máy xúc không cho máy xúc vào làm nhiệm vụ. Bị cáo Đ1 có hành vi dùng micro chửi bới, cản trở không cho máy xúc và lực lượng cơ động thực hiện nhiệm vụ, khi lực lượng cưỡng chế khiêng phản thì nằm lên không cho khiêng. Bị cáo T3 có hành vi chửi bới, nhặt đá và đưa dao cho T1 để chống lại Hội đồng cưỡng chế, lấy bình ga ra đặt trước cổng nhằm đe dọa Hội đồng cưỡng chế. Bị cáo Đ2 có hành vi chửi bới, lăng mạ, chuyển đá cho T1 ném, đe dọa trên người để đe dọa Hội đồng cưỡng chế.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không thừa nhận những lời khai nhận tội tại cơ quan điều tra với nhiều lý do khác nhau. Nhưng tài liệu hình ảnh có trong hồ sơ vụ án về hành vi phạm tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với diễn biến sự việc, phù hợp quá trình chuẩn bị xăng, dao, kiếm, đá..., phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp vật chứng được thu giữ tại hiện trường vụ án, phù hợp lời khai của nguyên đơn dân sự, phù hợp lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp lời khai của những người làm chứng. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo đã chuẩn bị công cụ, phương tiện và các bị cáo đã thực hiện hành vi dùng vũ lực như ném đá, đổ xăng, châm lửa đốt ; hành vi đe dọa dùng vũ lực như đe dọa, đe dọa kiếm, dùng bình ga, hành vi cản trở đứng trước máy xúc để không cho máy xúc vào làm nhiệm vụ và thủ đoạn khác là chửi bới, lăng mạ Hội đồng cưỡng chế mục đích để cản trở những người thi hành công vụ thực hiện công vụ. Làm cho Hội đồng cưỡng chế khó khăn trong thực hiện công vụ được giao. Chống lại việc thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình Hà Văn T1 tại bản T, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu của Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu.

[1.2]. Vật chứng thu giữ tại hiện trường: Kiếm, dao, xăng, vỏ chai, can, bật lửa, bình ga, lốp ô tô, micro, can nhựa và 59 hòn đá.

Vật chứng thu giữ của anh Nguyễn Văn T 01 lá chắn va đập ký hiệu LC1m-H57 do Bộ Công an cấp, một đầu lá chắn bị cháy; 01 áo giáp chống đâm nhãn hiệu AGCD-1/H57 do Bộ Công an cấp, trên áo có nhiều vết cháy; thu giữ của anh Trần Nhật Hoàng 01 áo lưới ký hiệu MCCHT-07 do Bộ Công an cấp, phần lưng áo có chữ CSCĐ, trên áo có nhiều vết cháy.

Đây là những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, bác bỏ ý kiến của các bị cáo kêu oan.

[2]. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh

luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện về các nội dung:

[2.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2.2]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện được chứng minh bằng tài liệu hình ảnh, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, lời khai của nguyên đơn dân sự, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng, vật chứng được thu giữ tại hiện trường và thu giữ trong quá trình điều tra...khẳng định hành vi phạm tội cụ thể của các bị cáo như đã được nêu tại phần nội dung vụ án.

Từ đó Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ xác định Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Hà Văn T1, Hà Văn T2, Hà Thị O, Lương Thị Đ1, Nông Văn T3, Vũ Xuân Đ2 phạm tội "Chống người thi hành công vụ" theo quy định tại khoản 1 Điều 257 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Với các phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Văn T1, Hà Văn T2, Hà Thị O, Lương Thị Đ1, Nông Văn T3, Vũ Xuân Đ2. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa về việc giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Văn T1, Hà Văn T2, Hà Thị O, Lương Thị Đ1, Vũ Xuân Đ2, Nông Văn T3 và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 47/2018/HS-ST, ngày 22-8-2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu như sau:

1. Tuyên bố các bị cáo Hà Văn T1, Hà Văn T2, Hà Thị O, Lương Thị Đ1, Vũ Xuân Đ2, Nông Văn T3 phạm tội "Chống người thi hành công vụ".

Áp dụng khoản 1 Điều 257, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Hà Văn T1. Xử phạt bị cáo Hà Văn T1 12 tháng tù, bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 08 tháng 21 ngày, bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 03 tháng 09 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 257, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Hà Văn T2. Xử phạt bị cáo Hà Văn T2 08 tháng 21 ngày tù, bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 08 tháng 21 ngày, hiện bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 257, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Vũ Xuân Đ2. Xử phạt bị cáo Vũ Xuân Đ2 06 tháng tù, bị cáo được trừ 25 ngày tạm giữ, tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 05 tháng 05 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 257, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lương Thị Đ1. Xử phạt bị cáo Lương Thị Đ1 08 tháng 19 ngày tù, bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 08 tháng 19 ngày, hiện bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 257, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Hà Thị O, Nông Văn T3.

Xử phạt bị cáo Hà Thị O 08 tháng 21 ngày tù, bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 08 tháng 21 ngày, hiện bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T3 08 tháng 18 ngày tù, bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 08 tháng 18 ngày, hiện bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Hà Thị Thu H.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 các bị cáo Hà Văn T1, Hà Văn T2, Hà Thị O, Lương Thị Đ1, Vũ Xuân Đ2, Nông Văn T3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22-01-2019).

Nơi nhận

- VKSND tỉnh (P7);
- TAND tp L;
- VKSND tp L;
- Công an tp L;
- Chi cục THADS tp L;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn DS;
- Người có QL, NVLQ;
- Trường THPT tp L;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thu Hoài

